TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:21a/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngVõ Văn Vinh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh
Ông Lâm Ngọc Hà
- **Thư ký phiên tòa**:Bà Đặng Tú Lệ, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành**: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 03 năm 2022về việc "Ly hônTranh chấp về nuôi con khi ly hôn"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/6/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Số 642, Lý T, khóm 4, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
-*Bị đơn*: Ông Trần L, sinh năm 1988 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:

Bàvàông Luận kết hôn năm 2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T,huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu bà S và ông L chung sống hòa thuận, hạnh phúc, năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L, cờ bạc gây ra nợ, không quan tâm vợ con, thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đếnbất đồng quan điểm sống.

Từ năm 2021, đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay bà S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy bà S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2022, cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần L trình bày: Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà S xin ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà S khai vợ chồng có 02 con chung tên: Huỳnh Trần Huỳnh Nhật M, sinh ngày 03/9/2018; Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/03/2020.

Khi ly hôn, bà S xin được nuôi dưỡng cả 01chung tênTrần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/03/2020, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L công nhận vợ chồng có 02 con chung như bà S khai và xin được nuôi dưỡng cả 02 chung, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà S và ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà S và ông L khai không, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông L là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà S xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung**:** Bà S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/3/2020; còn ông L thìcó nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, bà S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/3/2020 là có căn cứ, vì cháu M chưa được 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình còn dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi,nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng bà S; giaocháu Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/3/2020 cho bà S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, ông L có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung. Vì ông cho rằng hiện nay ông đang nuôi dưỡng 02 cháu, nhưng Cháu Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/3/2020 chưa được 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình còn dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, nên

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình không chấp nhậngiao cháu Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/03/2020 cho ông L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vì theo bà S trình bày,tại thời điểm phát sinh mâu thuẫn thì bà S nuôi dưỡng 02 cháu, sau đó ông L đến nhà thăm 02 cháu rồi tự ý chở 02 cháu đi rồi nhắn tin vào điện thoại cho bà S biết là chở 02 cháu về nuôi từ đó đến nay. Mặt khác bà S cũng đồng ý giao cháu Trần Huỳnh Nhật M, sinh ngày 03/9/2018 cho ông L trực tiếp nuôi, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của ông Luận, giao cháu Trần Huỳnh Nhật M, sinh ngày 03/9/2018 cho ông L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[3]Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S và ông L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà S và ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[5]Về nợ chung: Bà S và ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí:Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơnHuỳnh Thị S đối với bị đơn Trần L về việc "Ly hôn tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",nguyên đơnHuỳnh Thị S được ly hôn với bị đơn Trần L; giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên:Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/3/2020. Giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên:Trần Huỳnh Nhật M, sinh ngày 03/9/2018. Bà Huỳnh Thị S và Trần L không phải cấp dưỡng nuôi con.Tài sản chung, không có; nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị S

- *Về hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị S được ly hôn với ông Trần L.

- *Về con chung*: Giao 01 con chung tên:Trần Thị Huỳnh M, sinh ngày 24/03/2020, cho bà S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao 01 con chung tên:Trần Huỳnh Nhật M, sinh ngày 03/9/2018**,** cho ông L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S và ông L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

-Bà Huỳnh Thị S và Trần L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

2. Về tài sản chung: Bà S và ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về nợ chung: Bà S và ông L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị S phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0003042, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; bà S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặcbị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dânsự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện CT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *cơ quan đang ký kết hôn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh

TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN CHÂU THÀNH	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH SÓC TRĂNG	*Châu Thành, ngày 06 tháng 7 năm 2022*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**

*Các Hội thẩm nhân dân***:**

1. Ông **Lê Văn Danh**

2.Ông **Lâm Ngọc Hà**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị SÔMONTHA, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 6421, Lý Thường Kiệt, khóm 4, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

-*Bị đơn*: Ông Trần Luận, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trà Quýt B, xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ tài liệu,chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận, HĐXX biểu quyết 3/3 thống nhất với các nội dung phán quyết sau đây:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2, 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị SÔMONTHA

- *Về hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị SÔMONTHAđược ly hôn với ông Trần Luận.

- *Về con chung*: Giao 01 con chung tên:Trần Thị Huỳnh My, sinh ngày 24/03/2020, cho bà SÔMONTHA được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao 01 con chung tên:Trần Huỳnh Nhật Minh, sinh ngày 03/9/2018**,** cho ông Luận được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con:Bà SÔMONTHA và ông Luận không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

-Bà Huỳnh Thị SÔMONTHAvà Trần Luậnđược quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

-Về tài sản chung:Bà SÔMONTHA và ông Luậnkhai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung:Bà SÔMONTHA và ông Luậnkhai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: BàHuỳnh Thị SÔMONTHAphải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số

0003042, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; bàSÔMONTHA đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặcbị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dânsự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 06 tháng 7 năm 2022

Biên bản làm xong đã đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh